

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Số:47/2018/QĐHNGĐ-ST

Ngày: 18 – 9 – 2018

V/v Yêu cầu công nhận thuận
tình ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

Với thành phần giải quyết việc dân sự:

Chủ tọa phiên họp: Ông **Lê Hoàng Hiệp** – Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Bà **Phạm Thị Sắc Ly** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên họp: Ông **Huỳnh Văn Hoàng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 32/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2018 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, theo quyết định mở phiên họp số: 15/2018/QĐ-MPH ngày 05 tháng 9 năm 2018.

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông **Trần Đức P**, sinh năm 1983;

Quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà **Bùi Thị Ánh N**, sinh năm 1980;

Quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ: phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Williams Rd South Yarra Vic 3141 Australia.

2. Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

- Về con chung : Có 01 con chung tên TRẦN A, sinh ngày 14/3/2013. Thống nhất giao cho chị Bùi Thị Ánh N trực tiếp nuôi dưỡng, anh Trần Đức P không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí, lệ phí : Thống nhất giao cho ông Trần Đức P chịu trách nhiệm nộp.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu : Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Trần Đức P và bà Bùi Thị Ánh N là có căn cứ, đề nghị chấp nhận yêu cầu thuận tình ly hôn của ông Trần Đức P và bà Bùi Thị Ánh N

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang nhận định:

Ông Trần Đức P và bà Bùi Thị Ánh N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nên căn cứ Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vắng mặt ông P và bà N.

- Về hôn nhân: Ông Trần Đức P và bà Bùi Thị Ánh N kết hôn với nhau từ năm 2014 tại Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang, sau khi kết hôn bà Bùi Thị Ánh N sống tại Williams RD South Yarra Vic 3141 Australia, còn ông Trần Đức P sống tại phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh. Nên rất ít có thời gian chung sống gần nhau, cả hai không quan tâm chăm sóc nhau và có nhiều mâu thuẫn dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Ông Trần Đức P và bà Bùi Thị Ánh N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Đức P và bà Bùi Thị Ánh N thống nhất khai không có, nên ghi nhận.

- Về con chung: Có 01 con chung tên TRẦN A, sinh ngày 14/3/2013. Thống nhất giao cho chị Bùi Thị Ánh N trực tiếp nuôi dưỡng, anh Trần Đức P không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Đức P và bà Bùi Thị Ánh N thống nhất giao cho ông Trần Đức P chịu trách nhiệm nộp.

Xét thấy, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa Ông Trần Đức P và bà Bùi Thị Ánh N phù hợp với quy định tại các Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được chấp nhận.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 367, Điều 369, Điều 370, Điều 371 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 55, Khoản 2 Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Đức P và bà Bùi Thị Ánh N.

2. Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận việc ông Trần Đức P và bà Bùi Thị Ánh N thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về con chung: Thống nhất giao con chung tên TRẦN A, sinh ngày 14/3/2013, cho chị Bùi Thị Ánh N trực tiếp nuôi dưỡng, anh Trần Đức P không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

4. Về lệ phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Trần Đức P có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00620 ngày 27/8/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang, xem như đã thực hiện xong.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THA DS tỉnh Tiền Giang;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP.

THẨM PHÁN

Đã ký

Lê Hoàng Hiệp